

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2020/HS-PT**

Ngày: 26-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Bé

Ông Nguyễn Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Trang là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 49/2020/TLPT-HS ngày 25 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo Bùi Văn H, Lê Xuân T, Lê Đức N do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2020/HS-ST ngày 11 tháng 06 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **BÙI VĂN H** - Sinh ngày: 23/6/2001 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn ĐL, xã BT, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn B - Sinh năm: 1978 và bà: Phan Thị X - Sinh năm: 1978; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/01/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **LÊ ĐỨC N** - Sinh ngày: 25/11/2001 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn TD 3, xã BT, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê S - Sinh năm: 1963 và bà Nguyễn Thị K - Sinh năm: 1964; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **LÊ XUÂN T** - Sinh ngày: 07/7/2001 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn TD 3, xã BT, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi;

nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê D - Sinh năm: 1976 và bà: Phan Thị S1 - Sinh năm: 1972; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo khác là Nguyễn Thanh T không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn H, Lê Đức N, Lê Xuân T, Nguyễn Thanh T1 là bạn bè quen biết nhau và cùng làm công nhân cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thép dự ứng lực Hòa Phát (Sau đây được viết tắt là Công ty) có trụ sở tại Thôn TD 3, xã BT, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình làm việc, H, N, T và T1 biết tại khu vực xưởng tẩy gỉ của Công ty có nhiều sắt, dây điện, dây hàn nên rủ nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Công ty bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào trưa ngày 12/7/2019, Bùi Văn H rủ Lê Xuân T tới vào Công ty lấy tài sản thì T đồng ý. Khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, H gọi điện thoại rủ Lê Đức N cùng vào Công ty lấy tài sản thì N đồng ý, sau đó N điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 76C1 – 493.54 chở H và T đến quán Xgame ở Thôn TD 3, xã BT, huyện BS, để xe tại đây rồi cùng đi bộ đến bờ tường của Công ty, đoạn gần xưởng tẩy gỉ. Cả 03 trèo tường vào bên trong, T đứng ở sát bờ tường phía trong quan sát, canh bảo vệ còn H và N đi vào bên trong khu vực xưởng tẩy gỉ, lấy ra 01 ụ đỡ hình dạng giống mũi tên, có 04 lỗ nhỏ để gắn bulong, màu xám đen, nặng khoảng 30kg là chi tiết của máy đang lắp ráp tại khu vực này đem ra ngoài chỗ T để và tiếp tục quay lại xưởng tẩy gỉ, N lấy 01 con dao cán gỗ, loại dao chặt xương dài 37cm tại tủ cơ điện trong xưởng tẩy gỉ và chặt đứt 05 mét dây hàn nhựa, loại (1x5)mm mang ra và dùng dây hàn này cột vào ụ đỡ lôi ra bên ngoài tường rào. Sau đó, H, N và T chở tài sản trộm được đến bán cho tiệm phế liệu của vợ chồng ông Đào Tấn Đ, bà Trần Thị H ở thôn ĐL, xã BT, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi với giá 350.000 đồng. Số tiền trên, cả ba tiêu xài vào việc cá nhân.

Ngày 04/10/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bình Sơn định giá số tài sản mà các bị cáo trộm cắp như sau:

- 05 mét dây hàn nhựa, loại (1x5)mm, trị giá 436.355 đồng.
 - 01 ụ đỡ trị giá 30.012.500 đồng;
- Tổng giá trị là 30.448.855 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 17/7/2019, Lê Đức N, Bùi Văn H, Lê Xuân T, Nguyễn Thanh T1 uống cà phê tại quán Đồi Sim thuộc thôn ĐL, xã BT, huyện BS. Tại đây, N rủ H, T1, T tới vào Công ty lấy tài sản thì tất cả đồng ý.

Khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, N nhắn tin trên ứng dụng messenger trên máy tính tại quán Xgame ở Thôn TD 3, xã BT, huyện BS cho T bảo T mang theo dao để chặt dây điện, thì T lấy của gia đình một cái rựa. Sau đó, H đi xe mô tô, loại xe Wave, biển kiểm soát 76X6 – 5113 đến nhà chờ T tới quán Xgame. Lúc này, N cũng có mặt tại đây. Sau đó N đi xe mô tô, loại xe sirius, biển kiểm soát 76C1 – 493.54 đến nhà Nguyễn Thanh T1 chờ T1 đến rồi cả 04 đi đến cổng phụ của Cục Hải quan Quảng Ngãi để xe tại đây rồi cùng đi bộ đến bờ tường của Công ty, đoạn gần xưởng tẩy gỉ. Lúc này, T1 và T đứng ở bên ngoài cảnh giới còn N và H cầm rựa trèo tường vào bên trong, quan sát không có bảo vệ trông coi nên đi đến khu vực bên ngoài, sát tường rào của xưởng tẩy gỉ và dùng rựa chặt đứt 10m dây điện, loại (3x25)+PE; vào bên trong xưởng tẩy gỉ và chặt đứt 17 mét dây hàn nhựa, loại (1x5)mm đem ra phía ngoài tường rào chỗ T1 và T đứng. Sau đó, T cũng trèo tường vào bên trong, cùng với H lấy trộm 02 miếng sắt KT(40x40x4)cm, mỗi miếng nặng 25 kg để tại phía ngoài, trước xưởng tẩy gỉ và đem ra bên ngoài, sau đó H chờ T1, N chờ T mang số tài sản trộm được đến tiệm phế liệu của vợ chồng ông Lê Văn S, bà Trần Thị T ở tại thôn ĐL, xã BT, huyện BS bán với giá 1.400.000 đồng rồi chia mỗi người 350.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Ngày 04/10/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Sơn định giá số tài sản mà các bị cáo đã trộm như sau:

- 10 mét dây điện, loại 3x25+PE, chưa sử dụng, trị giá 2.810.000 đồng;
- 17 mét dây hàn, loại (1x5)mm, chưa sử dụng, trị giá 1.483.607 đồng;
- 02 miếng sắt, hình vuông, KT (40x40x4), khối lượng 50kg (mỗi miếng nặng 25kg), trị giá 250.000 đồng;

Tổng giá trị là 4.543.607 đồng.

Ngoài việc cùng với Lê Đức N, Lê Xuân T, Nguyễn Thanh T1 trộm cắp 02 vụ nói trên, Bùi Văn H còn thực hiện 01 vụ trộm vào ngày 10/8/2019, cụ thể:

Do ở gần nhà, biết gia đình ông Huỳnh L, sinh năm 1969, ở thôn ĐL, xã BT, huyện BS ít khi có người ở nhà nên Hòa nảy sinh ý định vào nhà của ông Huỳnh L để trộm cắp tài sản.

Sáng ngày 10/8/2019, H quan sát thấy nhà ông Huỳnh L không có ai ở nhà nên H đến, mở cửa sổ phía Đông Bắc nhà ông Huỳnh L và trèo vào bên trong nhà tìm thấy tại buồng chứa đồ trong nhà Huỳnh L có 01 cái máy nổ xăng, hiệu MK160 Motokawa, màu xanh, đen, trắng nên ý định sẽ lấy máy nổ này. Tuy nhiên, do chưa biết bán máy nổ ở đâu nên H chưa lấy và bỏ về nhà. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, Hòa đến tiệm điện cơ “LH” của anh Trần Hữu N, sinh năm 1981, ở tại thôn TH 2, xã BĐ, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi hỏi bán máy nổ. Tại đây, H nói với Trần Hữu N là H đang làm công trình, có máy nổ xăng nhưng không cần dùng nữa nên muốn bán thì Trần Hữu N đồng ý mua. Đến khoảng 14 giờ 30, cùng ngày, H lấy từ nhà 01 bao tải, loại bao urê rồi điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 76V7 – 0102

đến nhà ông Huỳnh L, thấy không có ai ở nhà nên H mở cửa sổ trèo vào bên trong đến vị trí để máy nổ xăng, phủ bao urê lên và vác ra ngoài theo hướng cửa sổ rồi lấy xe chở đến tiệm điện cơ “LH” bán cho anh Trần Hữu N với số tiền 300.000 đồng.

Ngày 27/8/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bình Sơn định giá máy nổ xăng hiệu MK160 Motokawa, màu xanh đen trắng, trị giá 2.800.000 đồng.

Ngoài ra, khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 20/12/2019, H đi thả bò ở khu vực gần nhà máy nhiên liệu sinh học Dung Quất. H nhìn thấy nhà chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1973, ở tại thôn TP, xã BT, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi ở gần đó mở cửa nhưng không có ai ở nhà nên H đi bộ vào trong nhà lấy trộm 01 điện thoại di động Nokia, màn hình cảm ứng, mặt trước màu đen, ốp lưng màu cam, loại TA 1047 của chị Nguyễn Thị H1 rồi đem về nhà cất giấu.

Chiếc điện thoại nói trên được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bình Sơn định giá là 650.000 đồng. Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Sơn đã trả lại cho chị Nguyễn Thị H1 và không còn yêu cầu gì.

Quá trình khai báo, ông Huỳnh L xác định ngoài việc mất máy nổ xăng thì còn phát hiện mất số tiền 2.000.000 đồng Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Sơn không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến số tiền trên nên không có căn cứ xử lý.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2020/HSST ngày 11-6-2020, Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/01/2020.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Xuân T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân T 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; khoản 1 Điều 38; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đức N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Lê Đức N 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị

cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/6/2020, các bị cáo Lê Xuân T, Lê Đức N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; bị cáo Bùi Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Bùi Văn H, Lê Xuân T, Lê Đức N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng:

Đối với bị cáo Bùi Văn H, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Mặt khác, sau khi bị khởi tố vụ án và cho tại ngoại bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện vụ trộm cắp điện thoại của chị Nguyễn Thị H1, hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo 30 tháng tù là không nặng. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết nào mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Đối với các bị cáo Lê Xuân T, Lê Đức N, các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, riêng bị cáo Lê Đức N tại thời điểm phạm tội là người chưa thành niên nên được áp dụng các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Xuân T 18 tháng tù, bị cáo Lê Đức N 12 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo nhưng không có tình tiết nào mới. Đồng thời, căn cứ khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn về áp dụng án treo thì các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên thuộc trường hợp không cho hưởng án treo. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi của các bị cáo Bùi Văn H, Lê Xuân T, Lê Đức N, thấy rằng:

[1.1] Đối với bị cáo Bùi Văn H: Trong hai ngày 12/7/2019 và 17/7/2019 bị cáo cùng với các bị cáo khác là Lê Đức N, Nguyễn Thanh T1, Lê Xuân T thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của Công ty. Tài sản các bị cáo trộm cắp gồm: 05 mét dây hàn nhựa, loại (1x5)mm; 01 ụ đỡ; 10 mét dây điện, loại 3x25+PE; 17 mét dây hàn, loại (1x5)mm; 02 miếng sắt, hình vuông, khối lượng 50kg (mỗi miếng nặng 25kg). Tổng giá trị tài sản bị cáo cùng đồng bọn chiếm đoạt của công ty là 34.992.462 đồng.

Ngoài ra, bản thân bị cáo còn tự mình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể: Ngày 10/8/2019, bị cáo lẻn vào nhà ông Huỳnh L ở thôn ĐL, xã BT, huyện BS lấy trộm 01 máy nổ xăng, hiệu MK160 Motokawa, màu xanh, đen, trắng trị giá 2.800.000 đồng. Sau khi bị Cơ quan điều tra khởi tố vụ án và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, ngày 20/12/2019, bị cáo tiếp tục lẻn vào nhà chị Nguyễn Thị H1, ở tại thôn TP, xã BT, huyện BS lấy trộm 01 điện thoại di động Nokia, màn hình cảm ứng, mặt trước màu đen, ốp lưng màu cam, loại TA 1047 trị giá 650.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 38.442.462 đồng.

[1.2] Đối với các bị cáo Lê Xuân T và Lê Đức N: Vào 02 ngày 12/7/2019 và 17/7/2019, các bị cáo cùng với bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Thanh T1 thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của Công ty. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 34.992.462 đồng.

[1.3] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Bùi Văn H, Lê Xuân T, Lê Đức N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự bồi thường và tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho các bị cáo.

[2.1] Đối với bị cáo Bùi Văn H: Bị cáo là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác đi trộm cắp tài sản và là người thực hành tích cực. Bị cáo thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản, trong đó có 03 lần giá trị tài sản bị chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng. Ngoài ra, khi bị cáo rủ bị cáo Lê Đức N cùng đi trộm cắp tài sản thì bị cáo N chưa đủ 18 tuổi. Do đó, bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[2.2] Đối với các bị cáo Lê Xuân T và Lê Đức N: Các bị cáo thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản nên thuộc trường hợp “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Riêng đối với bị cáo Lê Đức N, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cho bị cáo.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Văn H; kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Lê Xuân T, Lê Đức N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo nên xử phạt bị cáo Bùi Văn H 30 tháng tù, bị cáo Lê Xuân T 18 tháng tù, bị cáo Lê Đức N 12 tháng tù là phù hợp, không nặng. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết nào mới. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Lê Xuân T, Lê Đức N; trong vụ án này, các bị cáo phạm tội nhiều lần, căn cứ khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn về áp dụng án treo thì các bị cáo thuộc trường hợp không cho hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của 03 bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các bị cáo Bùi Văn H, Lê Xuân T, Lê Đức N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn H, Lê Xuân T, Lê Đức N. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HSST ngày 11-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Văn H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù** về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 06/01/2020.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g

khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Xuân T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù** về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Đức N 01 (Một) năm tù** về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Các bị cáo Bùi Văn H, Lê Xuân T, Lê Đức N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an, VKSND, TAND, THADS huyện Bình Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Giang